

# Ngày Buồn Nhất Đời Tôi

(30-04-1975)

(Chương 10 của cuốn “**Quê Hương Niềm Đau và Nỗi Nhớ**”)  
Tác Giả: Huy Vũ



Ngày 30.04.75 tính tới nay đã hơn 30 năm qua rồi, song dường như nó vẫn còn mới nguyên trong lòng tôi. Hôm ấy là một ngày đẹp trời ở Thị Xã Châu Đốc. Anh nắng chan hòa trải dài trên dòng Hậu Giang. Chim nhẫy nhót hát ca trên những chòm cây, và bướm lượn tung tăng trên những đám cỏ. Xe cộ tấp nập ngược xuôi trên đường Gia Long. Con đường này chạy song song với dòng sông Hậu, băng ngang qua Tòa Hành Chánh tỉnh, rồi xuyên vào khu phố chợ sầm uất nhất của Thị Xã.

Sáng hôm ấy, tôi từ Tòa Hành Chánh Tỉnh trở về nhà riêng trong khu cư xá Gia Long, sau một đêm ứng chiến tại nhiệm sở. Về tới nhà là tôi mở ngay radio để nghe tin chiến sự. Liền sau đó, đài Phát Thanh Sài Gòn thông báo: “Xin chú ý ! Xin chú ý ! Xin đồng bào chú ý ! Tổng Thống Dương Văn Minh sẽ ngỏ lời cùng đồng bào. Xin theo dõi.” Dựa vào tình hình chiến sự lúc ấy, tôi phỏng đoán vị Tân Tổng Thống sẽ tuyên bố **TỔ QUỐC LÂM NGUY**, rồi nhân đây kêu gọi toàn dân và toàn quân chiến đấu đến viên đạn và giọt máu cuối cùng. Ngồi vào bàn ăn, vừa ăn vừa chờ đợi những lời “gang thép” của vị Tân Tổng Tư Lệnh Quân Lực. Ít phút sau từ chiếc radio phát ra: “Tổng Thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà hạ vũ khí, đầu hàng vô điều kiện quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố, chính quyền Saigon từ trung ương đến địa phương, trao lại cho chính quyền Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam.” Thật không ngờ lại là lệnh buông súng đầu hàng, khiến tôi ngẩn ngơ, ngỡ ngàng, hụt hẫng, chơi vơi. Miếng bánh mì đang nuốt, bỗng ngừng lại nơi cuống họng. Miệng tôi bỗng lẩm bẩm: “Không! Không! Không thể đầu hàng nhục nhã như thế được.” Tôi đứng bật dậy, lảo đảo bước tới chiếc giường, rồi thấy mình lên đó, đau đớn, buồn bã, vật vã, rã rời.

Khi thầy tôi mất vào năm 1957, và khi mẹ tôi từ trần vào năm 1962, tôi buồn đến nỗi, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, nhưng chưa đến nỗi quên sinh. Khi người tôi yêu, lên xe hoa về nhà chồng, tôi cũng buồn man mác, nhưng chưa đến nỗi tan tác cả cõi lòng. Khi thi tú tài và cử nhân tôi cũng hỏng thi đôi ba lần, và mỗi lần hỏng thi tôi cũng buồn man mác, nhưng chưa bao giờ coi đó là “đệ nhất buồn” của đời tôi. Song vào ngày 30.04.75, sau khi nghe Tổng Thống Dương Văn Minh hạ lệnh buông súng đầu hàng, tôi chẳng những buồn đến nỗi tan tác cả cõi lòng, mà còn buồn đến nỗi muốn quên sinh nữa. Có lẽ vì vào giây phút ấy, tôi đã ý thức được rằng, tôi chẳng những mất đi tất cả những gì thuộc về cá nhân tôi, mà còn mất đi tất cả những gì thuộc về dân tộc và đất nước tôi nữa. Chế độ quốc gia mà tôi thích, dân chúng miền Nam mà tôi phục vụ, lý tưởng tự do và dân chủ mà tôi tranh đấu, bỗng chốc lọt vào tay bọn Việt Cộng tham tàn. Năm 1954, tôi chỉ mất nửa nước từ ải Nam Quan đến sông Bến Hải. Bây giờ, 1975, tôi mất luôn phần nửa nước còn lại, từ sông Bến Hải đến mũi Cà Mau. Còn mất mát nào to lớn hơn thế nữa không? Đó là nỗi buồn lớn nhất, lớn hơn tất cả những nỗi buồn mà tôi có từ ngày tôi biết buồn cho tới lúc ấy cộng lại.

Tôi buồn vì gia đình tôi đã “ôm chân” ông Hồ và các đồng chí của ông ở Liên Khu Bắc Việt trong suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, chỉ vì ngây thơ tin rằng, ông Hồ và các đồng chí của ông là những người quốc gia yêu nước thương nòi chân chính, và đánh Pháp, để dành lại độc lập cho đất nước, và tự do cho dân tộc. Nhưng sau chín năm còng lưng cày cấy dưới những làn đạn bom để có đủ thóc lúa đóng thuế nuôi bộ đội đánh Pháp đạt được thắng lợi to lớn ở Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký hiệp định Geneva, và cướp được nửa nước từ ải Nam Quan đến sông Bến Hải, là ông Hồ và các đồng chí của ông vâng lệnh quan thầy Nga-Xô và Trung Cộng cho thực thi ngay cái gọi là Cách Mạng Ruộng Đất Trời Long Trời Lở Đất, để **ĐÀO TẬN GỐC, TRỐC TẬN RỄ** thành phần **TRÍ – PHÚ – ĐỊA – HÀO**, với sự trực tiếp hướng dẫn của các cố vấn vĩ đại Trung Quốc. Cuộc cách mạng ruộng đất này đã giết khoảng 200.000 địa chủ, và bỏ tù khoảng 400.000 địa chủ khác, đồng thời khoảng 800.000 thân nhân của họ bị đẩy đọa hết sức man rợ bởi chính sách cô lập. Với chính sách này, chính quyền chuyên chính vô sản ở nông thôn đã cấm dân chúng không được nói chuyện với thân nhân địa chủ, không được thuê mướn thân nhân địa chủ, không được cho thân nhân chủ tiền bạc, cơm gạo, v.v.. Kẻ nào bất tuân, lập tức bị coi là địa chủ và được đối xử như địa chủ. Với chính sách độc

ác tàn nhẫn này, kiến thân nhân và con cái địa chủ muốn trở thành ăn mày cũng không được, muốn đi làm mướn cũng không xong, và chỉ còn một lối thoát duy nhất là đi lang thang trên những cánh đồng, đòi nường để mót những củ khoai lang, khoai sọ, khoai mì, v.v.. còn sót lại ăn sống cho qua ngày, rồi chết dần chết mòn trên khắp nẻo đồng quê. Trong số những nạn nhân của Bác và Đảng có gia đình tôi. Chúng tôi bị đẩy vào tình trạng sống dở, chết dở. Cuối cùng được biết hiệp định Geneva cho phép người dân được chọn nơi cư trú hoặc phía bắc hay phía nam sông Bến Hải tức vĩ tuyến 17, và chính phủ Quốc Gia miền Nam sẵn sàng đón nhận những người như chúng tôi, nên gia đình tôi vội vàng bỏ ruộng vườn, bỏ nhà cửa, bỏ mồ mã của ông cha, bỏ luôn cả Bác và Đảng, trốn chạy vào miền Nam tìm tự do với hai bàn tay trắng. Hai mươi năm sau, không ngờ ông Dương Văn Minh lại dâng nốt nửa nước còn lại, từ sông Bến Hải tới mũi Cà Mau, cho Cộng Sản. Trên giải đất Việt Nam thân yêu hình chữ S này còn chỗ nào cho tôi và những người chán ghét chủ nghĩa cộng sản như tôi dung thân nữa không?

Tôi buồn vì hàng trăm ngàn người miền Nam đã hy sinh tính mạng để chống lại sự xâm lăng của cộng sản miền Bắc và để bảo vệ miền Nam, và hàng triệu người miền Nam khác đã tranh đấu suốt 20 năm trường, trên khắp nẻo đàng đất nước, để tranh đấu chống lại Cộng Sản miền Bắc và để giữ cho nhân dân miền Nam được sống tự do, no ấm dưới ánh sáng mặt trời. Nay tất cả những hy sinh to lớn và cao thượng ấy bỗng tan biến vào khoảng không, cuốn theo làn gió, tuôn theo mây trời, như “dã tràng xe cát biển Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì”.

Tôi buồn vì trong gần mười năm trời sống với Cộng Sản Việt Nam, gọi tắt là Việt Cộng, đã tận mắt thấy được chúng đối xử cực kỳ dã man đối với hàng trăm ngàn người mà chúng cho là đã gián tiếp hay trực tiếp chống lại chúng, nhất là những người mà chúng gọi là là đảng phái phản động, cường hào ác bá, địa chủ ác ôn, tay sai của Quân Phiệt Nhật, hay chó săn của Thực Dân Pháp. Những người này bị giam cầm, tra tấn, hành hạ trong những trại giam khét tiếng là tàn bạo như Đầm Đùn, Lý Bá Sơ v.v.. cho đến chết. Chắc chắn những biện pháp đối xử tàn bạo ấy sẽ được chúng lập lại một cách tinh vi hơn và tàn bạo hơn đối với những người mà chúng gọi là “ngụy quân”, “ngụy quyền” và đảng phái phản động ở miền Nam, trong đó có tôi. Nói một cách rõ ràng hơn là, những người ở miền Nam trước ngày 30/04/75 đã gián tiếp hay trực tiếp nhúng tay vào việc chống lại cuộc xâm lăng miền Nam của cộng sản miền Bắc sẽ bị chúng kết tội là: Việt Gian bán nước, mại quốc cầu vinh, chó săn đế quốc Mỹ, tay sai ngoại bang, lòng lang dạ thú, uống máu đồng loại không tanh, đảng phái phản động, vân vân .. .. Và hình phạt mà Cộng Sản dành cho những người này là thủ tiêu một cách âm thầm lặng lẽ, hoặc đưa ra cái gọi là TÒA ÁN NHÂN DÂN và dùng LUẬT RỪNG để công khai bắn bỏ những tên mà chúng gọi là đầu sỏ. Số còn lại sẽ bắt bỏ tù trong những trại tập trung cải tạo và lao động khổ sai, không có ngày ra, cho chết dần chết mòn.

Tôi buồn vì trong thời gian sống ở miền Bắc tôi cũng đã từng thấy cộng sản Việt Nam đã áp dụng những biện pháp khắt khe để bần cùng hóa nhân dân miền Bắc đồng thời để buộc nhân dân phải triệt để tuân hành và trung thành với Đảng và Nhà Nước như những con chó trung thành với chủ. Chắc chắn những biện pháp này sẽ được áp đặt lên đầu lên cổ nhân dân miền Nam. Một trong những biện pháp thâm độc nhất là, dùng thực phẩm như gạo, ngô, khoai, sắn để nấn bóp cái dạ dày của nhân dân và để buộc họ phải làm những gì mà Đảng và Nhà Nước muốn. Làm sẽ được phân phối thực phẩm. Không làm, tất nhiên không có thực phẩm, sẽ chết đói. Không còn con đường nào khác. Nói một cách khác, nhân dân miền Nam, trong đó có gia đình tôi, vào những ngày sắp tới sẽ phải khốn khổ và đói khát. Khi Việt Cộng GỌI không Dạ, BẢO không VẮNG, là không có gạo, ngô, khoai, sắn bỏ vào miệng nữa, chỉ còn nước há họng kêu trời.

Tôi buồn vì trong ngày 30.04.75, không ít người từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, vì nông cạn, ngây ngô, khờ khạo, đui mù, nên đã hồ hởi, hân hoan, hớn hờ, vui mừng đón chào như một ngày khai hoàn của dân tộc. Đối với tôi, đó là ngày CƯỜNG BẠO thay CHÍ NHÂN, ngày PHI NGHĨA thắng CHÍNH NGHĨA, ngày NHÀ TAN và NƯỚC MẮT. Ngày 30.04.1975, đối với những người có lương tri, không thể nào coi là ngày mà toàn thể dân tộc Việt Nam, sau bao nhiêu năm hy sinh xương máu đã dành lại được độc lập và thống nhất, mà chỉ là ngày Việt Cộng CƯỚP được trọn vẹn nước Việt Nam từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, sau bao nhiêu năm lợi dụng chiêu bài đuổi Nhật, đánh Pháp, và chống Mỹ để khai thác lòng yêu nước và vắt ép cạn kiệt xương máu của người dân Việt hầu đưa Việt Nam vào quỹ đạo Cộng Sản Quốc Tế. Nói một cách khác, ngày 30.04.75 chỉ là ngày mà những tên Cộng Sản Việt Nam đã làm tròn bổn phận tay sai của chúng, đối với quan thầy Cộng Sản Nga-Tàu. Ngày mà những tên Việt Cộng hồ hởi, hân hoan dụ dỗ một đám con nít, và một đám người lớn

“mù lòa” xuống đường phổ hoan ca: “như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng” là ngày tôi đau đớn, đóng cửa ngòi khóc thầm cho số phận hẩm hiu đen như mồm chó của cá nhân tôi, của gia đình tôi và của dân tộc tôi.

Tôi buồn vì rất nhiều người ở miền Nam đã khờ khạo nghĩ rằng, Việt Cộng, máu cũng đỏ, da cũng vàng, và cũng là người Việt Nam. Đối với tôi là người đã sống ở liên khu Bắc Việt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của “Bác và Đảng”, nên có nhiều cơ hội được nghe những gì Việt Cộng đã nói, thấy được những gì Việt Cộng đã làm, và biết được Việt Cộng thực chất là cái giống gì rồi. Bề ngoài của họ thật sự không khác người Việt Nam một chút nào cả. Song trong tâm khảm và óc não của họ, không còn một chút nào là người Việt Nam nữa. Trong thực tế cũng như trên lý thuyết đã cho thấy rõ ràng rằng, những tên đầu sỏ Việt Cộng như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, và đồng bọn, tuy bề ngoài còn đầy đủ dáng vẻ của người Việt Nam, song bề trong, hiện nguyên hình là những tên tay sai trung kiên của Quốc Tế Cộng Sản. Họ là những người đã ra nhập và đã tuyên thệ tuyệt đối trung thành với Cộng Sản Quốc Tế và đặt quyền lợi của Tổ Chức này lên trên quyền lợi quốc gia. Họ là những người sẵn sàng hy sinh quyền lợi của Tổ Quốc để phụng sự Quốc Tế Cộng Sản. Và họ cũng chính là những người đã nhận lệnh Quốc Tế Cộng Sản trở về Việt Nam lợi dụng và khai thác lòng yêu nước của người dân Việt, để hoàn tất cuộc cách mạng dân tộc, một trong những điều kiện tiên quyết cần và đủ để dang hiến trọn vẹn Việt Nam cho Cộng Sản Quốc Tế. Nói khác đi, ông Hồ và những đồng chí của ông, đuổi Nhật, đánh Pháp, chống Mỹ không phải với tư cách hay nghĩa vụ của một công dân Việt Nam yêu nước thuần túy, mà với tư cách và nghĩa vụ của một thành viên Quốc Tế Cộng Sản trung kiên. Đối với những tên “xanh vỏ đỏ lòng” này thì việc tranh đấu dành độc lập cho dân tộc Việt chỉ là phương tiện, còn việc dang hiến đất nước Việt cho Quốc Tế Cộng Sản mới là cứu cánh.

Ông Hồ cũng không hề giấu giếm điều này khi ngỏ lời kêu gọi thành lập đảng cộng sản Đông Dương vào năm 1930: “Hỡi công nhân, nông dân, thanh niên, học sinh, anh chị em bị áp bức bóc lột. Anh chị em, các đồng chí! Nhận chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ, và thấy có trách nhiệm gửi tới các anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này.” Qua lời kêu gọi này ta thấy rõ ràng là ông Hồ từ Liên Xô về nước để làm cuộc cách mạng dân tộc đánh đuổi Thực Dân Pháp không phải là với tư cách một người Việt Nam yêu nước mà là với tư cách là một thành viên trung kiên của Quốc Tế Cộng Sản.

Sau khi cướp được chính quyền và thành lập cái gọi là nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa vào ngày 02-09-1945, ông Hồ đã ý thức được rằng, một số đông người dân Việt không thích chủ nghĩa cộng sản, vì họ cho rằng đó là chủ nghĩa không tưởng và chắc chắn không thể mang lại độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Một khi những người này vẫn còn tin rằng ông ta và các đồng chí của ông ta là cộng sản chính cống, thì chẳng những họ sẽ không ủng hộ mà còn chống đối kịch liệt nữa. Do đó vào tháng 11/1945, ông Hồ đã tuyên bố giải tán đảng Cộng Đông Dương. Song trong thực tế đảng này vẫn tồn tại nhưng với một cái tên rất khiêm tốn mới là Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Marx. Hành động lườm gạt của ông ta đã thu hút được một số khá đông người Việt ủng hộ ông ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp và buộc Pháp phải ký hiệp định Geneva, đồng thời cũng giúp ông ta chiếm được nửa nước từ ải Nam Quan đến sông Bến Hải.

Ông Hồ cũng đã công khai xác nhận là tay sai của Quốc Tế Cộng Sản qua bài thơ ông làm, khi viếng thăm đền Kiếp Bạc thờ Trần Hưng Đạo:

*“Tôi anh hùng, bác cũng anh hùng  
Tôi bác cùng chung nghiệp kiếm cung  
Bác thắng quân Nguyên thanh kiếm bạc  
Tôi trừ giặc Pháp ngọn cờ hồng  
Bác đưa một nước qua nô lệ  
Tôi dắt năm châu đến đại đồng  
Bác có linh thiêng cười một tiếng  
Rằng tôi cách mạng đã thành công.”*

Qua bài thơ này, người ta thấy rõ ràng là ông Hồ đã nói huỵch toẹt ra rằng, Trần Hưng Đạo dùng thanh kiếm bạc thắng quân Nguyên là để đưa dân tộc Việt thoát khỏi vòng nô lệ. Còn ông ta dùng ngọn cờ hồng trừ giặc Pháp, không phải là để đưa riêng Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ, mà là để đưa năm châu, trong đó có Việt

Nam, đến Thế Giới Đại Đại Đồng. Nói một cách vắn tắt và rõ ràng hơn là ông ta dâng nộp Việt Nam cho Quốc Tế Cộng Sản.

Ông Hồ và các đồng chí của ông luôn luôn đặt quyền lợi Quốc Tế Cộng Sản lên trên quyền lợi Quốc Gia. Do đó tất cả những người Việt Nam nào đặt quyền lợi Quốc Gia lên trên hết, là trái với ý ông, là những viên đá cản đường để ông đưa nước Việt Nam gia nhập vào Quốc Tế Cộng Sản, đồng thời cũng là kẻ thù không đội trời chung của ông nữa. Chính vì thế, trước và sau khi nắm chính quyền vào năm 1945, ông Hồ và các đồng chí của ông đã thanh toán hàng trăm ngàn người Quốc Gia yêu nước nhưng không yêu chủ nghĩa cộng sản. Và cũng chính vì thế mà ông Hồ vào năm 1925 đã không do dự cung cấp tin tức cho thực dân Pháp bắt nhà cách mạng lão thành và quốc gia chân chính là cụ Phan Bội Châu để lãnh thưởng 100,000 đồng bạc Đông Dương. Đối với ông Hồ đây là một hành động “nhất cử lưỡng tiện” vì vừa trừ khử được một tên quốc gia đầu sỏ nguy hiểm, lại vừa lãnh được một số tiền khổng lồ.

Cũng tương tự như thế, mà một tên Việt Cộng đầu sỏ khác, Thủ Tướng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Phạm Văn Đồng, vào ngày 14-09-1958 đã ký một công hàm gửi Chu An Lai, Tổng Lý Quốc Vụ Viện nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, xác nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Trung Quốc, và hứa sẽ triệt để tôn trọng điều này trong mọi quan hệ với Trung Quốc trên mặt bề. Ông Đồng là một tên Việt Cộng, song còn là một thành viên thâm niên và trung kiên của Cộng Sản Quốc Tế, nên ông ta phải luôn luôn đặt quyền lợi của Cộng Sản Quốc Tế lên trên quyền lợi Quốc Gia. Trong thâm tâm của ông Đồng, thì việc xác nhận hải phận 12 hải lý của Trung Cộng đồng nghĩa với việc bồi đắp cho Cộng Sản Quốc Tế ngày một lớn mạnh, và đây còn là dịp may hiếm có để ông bày tỏ lòng trung thành đối với Quốc Tế Cộng Sản, nên ông ta không hề do dự khi đặt bút ký vào công hàm ấy.

Tính từ ngày 30.04.75 tới nay, đã hơn 30 năm nước chảy qua cầu, tôi cũng đã phải đương đầu với những đau thương, buồn bã, và những mất mát to lớn. Song đó chỉ là những nỗi đau buồn và mất mát tầm thường dưới sức chịu đựng của tôi. Cho tới nay tôi đã vượt qua tuổi “thất thập cổ lai hy” nên trời cứ mỗi lúc một xa và đất cứ mỗi lúc lại đến gần. Khoảng cách ấy cứ dần dần thu hẹp lại, tôi tin rằng trong thời gian còn lại của đời tôi chắc không còn nỗi buồn nào to lớn bằng nỗi buồn mà tôi đã có vào ngày 30.04.75. Đó là ngày buồn nhất của đời tôi.

Huy Vũ